



**MOORE AISC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**



# MỤC LỤC

-----oOo-----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10 - 12
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13 - 14
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 49

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông, tên tiếng anh là Vien Dong Assurance Corporation (tên viết tắt là VASS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP/KDBII do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/11/2003 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 05/06/2020 về việc tăng vốn. Thời gian hoạt động: 50 năm.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần đại chúng lớn.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh: **Kinh doanh bảo hiểm gốc:** Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm chung; Bảo hiểm rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; Bảo hiểm nông nghiệp. **Kinh doanh tái bảo hiểm:** Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

**Trụ sở chính:** 19 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM.

Công ty có trụ sở chính tại Tp. HCM, 26 chi nhánh và 28 đơn vị kinh doanh/văn phòng dịch vụ khách hàng trên toàn quốc.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thông tin khác

Theo báo cáo của Công ty tại Công văn số 233/2023/CV-VAS/TGD ngày 12/7/2023 và danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 18/5/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp, Công ty có vốn điều lệ là 700 tỷ đồng, số lượng cổ đông là 826 cổ đông, trong đó tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn là 90,44%, cổ đông nhỏ là 9,56%. Như vậy Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành.

Theo Công văn số 6191/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2023 của UBCKNN về việc thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng của IFA, theo đó UBCKNN sẽ xem xét hủy tư cách công ty đại chúng cho Công ty sau 01 năm kể từ ngày 18/5/2023 trong trường hợp Công ty không đáp ứng được điều kiện công ty đại chúng tại thời điểm đó.

### 4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Minh Đức	Chủ tịch	30/06/2014
Bà Trương Ngô Sen	Phó Chủ tịch	14/05/2015
Bà Phạm Phương Chi	Thành viên	14/05/2015
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	21/06/2019
Ông Lương Hồng Tháp	Thành viên	21/06/2019

#### Ban Kiểm soát

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Hoài	Trưởng ban	21/06/2019
Bà Đặng Thị Phương	Thành viên	21/06/2019
Ông Đinh Hiếu Thuận	Thành viên	14/05/2015

#### Ban Tổng Giám đốc

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Huỳnh Thái Hòa	Tổng Giám Đốc	02/08/2022	
Ông Tạ Bình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2022	
Bà Lê Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	10/03/2023	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021	
Ông Võ Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2022	
Ông Võ Thành Hưng	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2022	
Ông Hoàng Hùng Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2022	

#### Kế toán trưởng

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Đức Hoàng	Kế toán trưởng	10/10/2022

#### Người đại diện theo pháp luật

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Thái Hòa	Tổng Giám Đốc	02/08/2022

#### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 6. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Trương Ngô Sen

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Số: A0623239-R/MOOREAISC-DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông ("Công ty")**, được lập ngày 29/03/2024, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính các mục sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.2 "thông tin về tính hoạt động liên tục", đến ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc hiểu rõ tình hình Công ty đang có các tiêu chí có thể dẫn đến nghi ngờ về tính hoạt động liên tục. Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty vẫn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai dựa trên bảng kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc về các hành động cải thiện khả năng hoạt động liên tục cùng với sự hỗ trợ vốn từ cổ đông và sự hợp tác cơ cấu và giãn nợ của các chủ nợ.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.12 "Vấn đề khác": theo báo cáo của Công ty tại công văn số 233/2023/CV-VAS/IGĐ ngày 12/7/2023 và Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 18/5/2023, Công ty không còn đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ xem xét hủy tư cách công ty đại chúng cho Công ty sau 01 năm kể từ ngày 18/5/2023 trong trường hợp Công ty không đáp ứng được điều kiện công ty đại chúng lại thời điểm đó.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2022, đã được kiểm toán vào ngày 30 tháng 03 năm 2023 có ý kiến kiểm toán ngoại trừ và vấn đề lưu ý. Các điểm ngoại trừ và các vấn đề lưu ý năm trước không được nhắc lại trong báo cáo kiểm toán năm nay do đã được Công ty giải quyết.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



**Huỳnh Diệu Phụng**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 1269-2023-005-1

**Đỗ Thị Mai Hoa**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 3559-2021-005-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>552.690.225.652</b>	<b>449.969.027.692</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.562.691.420</b>	<b>3.452.789.832</b>
1. Tiền	111		5.562.691.420	3.452.789.832
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>300.509.846.069</b>	<b>263.688.823.488</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		308.160.491.696	275.233.606.237
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.650.645.627)	(11.544.782.749)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>203.569.606.954</b>	<b>109.931.510.395</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03a	74.991.272.010	53.727.074.386
2. Trả trước cho người bán	132	V.03b	209.550.000	251.460.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	176.798.022.597	83.748.362.811
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.03-04	(48.429.237.653)	(27.795.386.802)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>206.382.260</b>	<b>463.849.373</b>
1. Hàng tồn kho	141		206.382.260	463.849.373
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.898.174.968</b>	<b>20.955.750.729</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	18.898.174.968	20.955.750.729
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		18.243.734.211	20.416.085.866
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		654.440.757	539.664.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>V.07</b>	<b>23.943.523.981</b>	<b>51.476.303.875</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		19.621.477.528	44.893.569.555
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		4.322.046.453	6.582.734.320

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>503.146.452.991</b>	<b>624.016.696.685</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.623.278.248</b>	<b>61.608.529.488</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03a	84.648.685.636	84.648.685.636
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.04	61.623.278.248	61.608.529.488
4.1. Ký quỹ, ký cược	218.1		1.623.278.248	1.608.529.488
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		60.000.000.000	60.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.03a	(84.648.685.636)	(84.648.685.636)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>371.906.119.749</b>	<b>387.574.572.618</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	228.135.840.965	235.103.842.422
- Nguyên giá	222		266.538.988.888	267.688.091.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.423.147.923)	(32.584.248.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	140.857.878.784	143.575.952.676
- Nguyên giá	228		152.598.150.000	152.598.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.740.271.216)	(9.022.197.324)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2.912.400.000	8.894.777.520
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>69.267.364.837</b>	<b>174.733.374.302</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		54.400.000.000	54.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	253		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		89.111.596.200	192.321.596.200
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(74.244.231.363)	(71.988.221.898)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>349.690.157</b>	<b>100.220.277</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	349.690.157	100.220.277
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.055.836.678.643</b>	<b>1.073.985.724.377</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng, Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>709.792.146.397</b>	<b>728.466.257.976</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>602.850.570.553</b>	<b>617.685.402.780</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	37.629.041.018	45.905.926.411
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	98.885.410.940	112.736.723.790
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		67.760.771.797	81.520.987.019
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		31.124.639.143	31.215.736.771
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	3.542.221.034	4.945.933.007
5. Phải trả người lao động	315	V.14	17.338.989.770	16.230.253.621
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	14.138.488.207	14.349.070.213
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	V.16	4.153.029.180	3.585.702.624
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.17	427.163.390.404	419.931.793.114
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		135.499.807.435	146.199.835.148
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		53.954.403.731	42.000.747.725
13.2. Dự phòng dao động lớn	329.3		237.709.179.238	231.731.210.241
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.941.575.844</b>	<b>110.780.855.196</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	106.941.575.844	110.689.655.196
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	-	91.200.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>346.044.532.246</b>	<b>345.519.466.401</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>346.044.532.246</b>	<b>345.519.466.401</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(102.600.000)	(102.600.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		2.371.872.054	2.371.872.054
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(356.224.739.808)	(356.749.805.653)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421.1		(356.749.805.653)	(357.535.068.528)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421.2		525.065.845	785.262.875
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.055.836.678.643</b>	<b>1.073.985.724.377</b>

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng



Đặng Đức Hoàng



Tổng Giám đốc

Huỳnh Thái Hòa



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		455.877.718.592	427.049.540.698
2. Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	11		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.06	18.106.316.742	22.167.912.652
4. Thu nhập khác	13	VI.09	32.285.076.816	35.199.142.672
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		347.315.462.942	346.707.751.881
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.07	30.583.952.356	28.868.464.811
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.08	97.096.960.779	106.633.317.664
9. Chi phí khác	24	VI.10	30.260.123.106	1.066.451.644
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		1.012.612.967	1.140.610.022
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	487.547.122	355.347.147
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		525.065.845	785.262.875
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	8	11
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	8	11

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=1.1+1.2-1.3)</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>507.588.908.413</b>	<b>504.993.806.303</b>
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		492.026.913.786	420.260.447.708
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		4.861.966.914	4.073.421.529
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(10.700.027.713)	(80.659.937.066)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>VI.02</b>	<b>60.129.008.034</b>	<b>87.775.368.678</b>
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		34.856.916.006	24.705.938.578
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(25.272.092.028)	(63.069.430.100)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>447.459.900.379</b>	<b>417.218.437.625</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>04</b>	<b>VI.03</b>	<b>8.417.818.213</b>	<b>9.831.103.073</b>
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		8.417.818.213	9.831.103.073
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		-	-
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>455.877.718.592</b>	<b>427.049.540.698</b>
<b>6. Chi phí bồi thường</b>	<b>11</b>		<b>51.074.288.249</b>	<b>80.572.843.415</b>
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		51.074.288.249	80.572.843.415
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		-	-
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>3.166.870.688</b>	<b>7.025.821.526</b>
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>11.953.656.006</b>	<b>(29.906.009.949)</b>
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(2.260.687.866)</b>	<b>(6.709.201.042)</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>VI.04</b>	<b>62.121.761.433</b>	<b>50.350.212.982</b>
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>	<b>V.19</b>	<b>4.620.319.647</b>	<b>3.996.279.312</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>17</b>	<b>VI.05</b>	<b>280.573.381.862</b>	<b>292.361.259.587</b>
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		63.114.278.240	71.817.031.043
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		217.459.103.622	220.544.228.544
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>347.315.462.942</b>	<b>346.707.751.881</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>108.562.255.650</b>	<b>80.341.788.817</b>



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		-	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.06	18.106.316.742	22.167.912.632
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.07	30.583.952.356	28.868.464.811
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		(12.477.635.614)	(6.700.552.159)
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	97.096.960.779	106.633.317.664
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		(1.012.340.743)	(32.992.081.006)
23. Thu nhập khác	31	VI.09	32.285.076.816	35.199.142.672
24. Chi phí khác	32	VI.10	30.260.123.106	1.066.451.644
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.024.953.710	34.132.691.028
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.012.612.967	1.140.610.022
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	487.547.122	355.347.147
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		525.065.845	785.262.875
30. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.12	8	11
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	8	11

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Đặng Đức Hoàng

Huỳnh Thái Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.012.612.967	1.140.610.022
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8.9	9.686.075.349	9.732.491.928
- Các khoản dự phòng	03		18.995.723.194	(17.553.237.352)
- Các khoản dự phòng nghiệp vụ			34.764.377.184	(39.316.521.834)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.306.668)	(236.003.219)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		12.125.432.683	(21.991.497.165)
- Chi phí lãi vay	06	VI.7	8.185.458.613	20.653.940.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.765.373.322	(47.570.217.457)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(104.915.100.687)	110.604.336.233
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		257.467.113	32.471.341
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(12.916.349.081)	(37.094.347.816)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.808.105.881	4.591.501.185
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.7	(8.185.458.613)	(20.653.940.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.451.942.165)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(40.637.904.230)</b>	<b>9.909.803.323</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(33.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	91.479.091
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(728.413.575.600)	(326.623.853.717)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		768.276.690.141	234.704.990.734
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		6.420.000.000	4.937.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		8.485.349.354	24.440.025.815
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>54.768.463.895</b>	<b>(62.483.358.077)</b>